

Số: 2734/2023/QĐST-HNGĐ

TP.ĐĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.ĐĐ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1581/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông NVĐ - Sinh năm: 1993 – Số CMND: 205757808

Địa chỉ: Số HM đường HH, khu phố B, phường LD, TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà HTN - Sinh năm: 1994 – Số CCCD: 083194001132

Địa chỉ: Số MBH/H đường LTX, tổ M, khu phố B, phường LD, TP.ĐĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/7/2023, ông NVĐ và bà HTN đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông NVĐ và bà HTN thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông NVĐ và bà HTN cùng trình bày không có con chung.
  - Về tài sản chung, nợ chung: Ông NVĐ và bà HTN cùng trình không có.
- Ngoài ra, ông NVĐ và bà HTN không còn bất kỳ yêu cầu nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông NVĐ và bà HTN tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông Đ và bà N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2023/0004096 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông NVĐ và bà HTN đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 92 do Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện NT, tỉnh QN cấp ngày 24/11/2020 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND X.TQ, H.NT QN;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Hải Quỳnh Anh**